

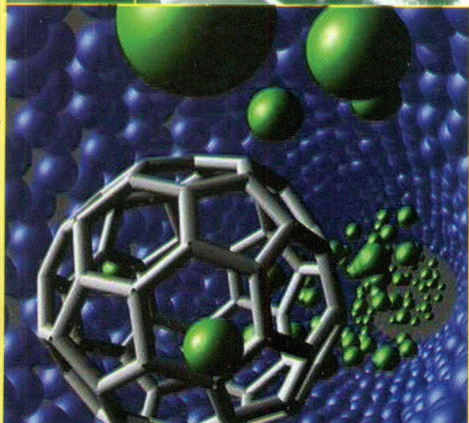
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH



ISO 9001 : 2008

TẠP CHÍ KHOA HỌC

*Chào mừng
năm học mới
2011 - 2012*



Số 02

Tháng 9/2011



ISO 9001 : 2008

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

www.tvu.edu.vn

Số 02

9/2011

TÒA SOẠN

PHÒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

126, Quốc lộ 53, Khóm 4
Phường 5, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
E-mail: banbientapckh@tvu.edu.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

TS. PHẠM TIẾT KHÁNH
Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh

TỔNG BIÊN TẬP

ThS. NGUYỄN TIẾN DŨNG
Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh

BAN BIÊN TẬP

NGŨT. LÂM TẤN PHÁT
LÂM VĂN BẠCH
ThS. **HUYỀN MỸ PHƯỢNG**
ThS. **HUYỀN THỊ NGỌC LAN**
ThS. **LÂM QUANG VINH**
ThS. **PHẠM THỊ TỔ THY**
LÊ THỊ ĐẸP

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT

THÁI THỊ THÙY TRANG

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 28 cm, tại Công ty Cổ phần Văn hóa Tổng hợp Trà Vinh. Giấy phép xuất bản số 116/GP-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 15/02/2011. In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2011.

MỤC LỤC

Thư của chủ tịch nước Trương Tấn Sang gửi ngành giáo dục nhân dịp khai giảng năm học mới 2011-2012

I. CHÍNH SÁCH - KẾ HOẠCH	2
II. KHOA HỌC CÔNG NGHỆ	
1. Ứng dụng nấm <i>Trichoderma</i> spp. và vi khuẩn cố định đạm (<i>Gluconacetobacter diazotrophicus</i>) trong canh tác bí đỏ trên đất chân ruộng lúa tại tỉnh Trà Vinh ThS. <i>Phạm Chí Tùng</i> và <i>CTV</i>	7
2. Một ứng dụng của quá trình ngẫu nhiên ThS. <i>Võ Duy Minh</i>	13
3. Xây dựng hệ thống mạng bảo mật với Syslog, NTP, SSH trên Router Cisco ThS. <i>Nguyễn Bá Nhiệm</i>	18
4. Mô phỏng mạng viễn thông với phần mềm OMNET++ <i>Trần Song Toàn</i>	28
III. KHOA HỌC XÃ HỘI NHÂN VĂN	
5. Tóm tắt luận án tiến sĩ - Tiếp xúc ngôn ngữ giữa tiếng Khmer với tiếng Việt (trường hợp tỉnh Trà Vinh) ThS. <i>Nguyễn Thị Huệ</i>	34
6. Nghiên cứu ảnh hưởng của phương pháp học tập đến kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh <i>Trần Linh Phong</i>	43
7. Nét đẹp văn hóa trong lễ hội Sel Delta của người dân tộc Khmer Nam bộ <i>Tăng Văn Thòn</i>	50
8. Những bài học Hồ Chí Minh rút ra từ các cuộc cách mạng cận đại khi đi tìm đường cứu nước.....	56
ThS. <i>Trần Trọng Thái</i>	
9. Vài suy nghĩ về việc xây dựng văn hóa học đường trong trường đại học.....	61
ThS. <i>Trần Hoàng Phong</i>	
10. Phát huy vai trò của các trường trung học chuyên nghiệp trong việc đào tạo nghề.....	65
ThS. <i>Nguyễn Thị Kim Thanh</i>	
11. Bộ môn Kinh tế - Trường Đại học Trà Vinh với mô hình đào tạo hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp.....	69
ThS. <i>Nguyễn Thị Cẩm Loan, Nguyễn Thanh Hùng</i>	
IV. DIỄN ĐÀN TRAO ĐỔI	
12. Một số biện pháp nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.....	74
<i>Phạm Văn Tuấn</i>	
V. TIN KHOA HỌC	
13. Tiến sĩ Chris - Giám đốc Hợp tác Quốc tế Trường Đại học Saxion - Hà Lan thăm và trao đổi cơ hội hợp tác với Trường Đại học Trà Vinh.....	79
<i>Trần Thị Hồng Y</i>	
14. Khoa Kỹ thuật và Công nghệ - Trường Đại học Trà Vinh tổ chức cuộc thi Robocon Sinh viên lần thứ nhất, năm 2011	80
<i>Vân Khanh</i>	

BỘ MÔN KINH TẾ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH VỚI MÔ HÌNH ĐÀO TẠO HỢP TÁC GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thị Cẩm Loan ⁽¹⁾
Nguyễn Thanh Hùng ⁽²⁾

TÓM TẮT

Đào tạo hợp tác giữa Nhà trường và Doanh nghiệp là nhu cầu khách quan xuất phát từ lợi ích của cả hai phía. (1) Các Doanh nghiệp là những nhà cung cấp thông tin, nêu lên nhu cầu của mình về lực lượng lao động cần được đáp ứng. (2) Nhà trường nắm bắt thông tin từ Doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu đó. Như vậy, Nhà trường luôn có nhu cầu phải được hợp tác với Doanh nghiệp và ngược lại. Do đó, mỗi hợp tác này vừa mang tính tất yếu, vừa mang tính khả thi cao trong việc thỏa mãn nhu cầu lẫn nhau giữa Nhà trường và Doanh nghiệp. Bài viết giới thiệu mô hình đào tạo hợp tác giữa Nhà trường và Doanh nghiệp được áp dụng cho ngành Kế toán tại Bộ môn Kinh tế và một số giải pháp giúp mô hình đào tạo hợp tác giữa Nhà trường và Doanh nghiệp ngày càng được Hoàn thiện.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước xu thế phát triển kinh tế của đất nước cũng như trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh Trà Vinh nói riêng, nhu cầu của các Doanh nghiệp (DN) về sinh viên ngành Kinh tế đang tăng lên một cách mạnh mẽ. Có lẽ vì lý do này nên trong những năm gần đây các ngành về Kinh tế được xem là ngành “hot” trong các kỳ thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng ở nước ta. Mặc dù vậy, các DN luôn than phiền chương trình của các Trường Đại học còn mang nặng tính “sách vở”, thiếu tính thực tiễn.

Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 63% sinh viên tốt nghiệp không có việc làm, 37% sinh viên được tuyển dụng không đáp ứng được nhu cầu của DN và nhiều công ty mất ít nhất là 1 – 2 năm để đào tạo lại.

Trước viễn cảnh về “đầu ra” của sinh viên các trường Đại học, Bộ môn Kinh tế - Trường Đại học Trà Vinh đã nhận thức được tầm quan trọng trong việc hợp tác với DN, không dừng lại ở mức thu hút các DN tham gia xây dựng chương trình mà còn phải cùng DN hợp tác trong quá trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Trong thực tế, khi xây dựng các chương trình đào tạo, Bộ môn đã cố gắng kết hợp với các DN trong và ngoài tỉnh trong việc định hướng, cập nhật, bổ sung và sửa đổi chương trình cho phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

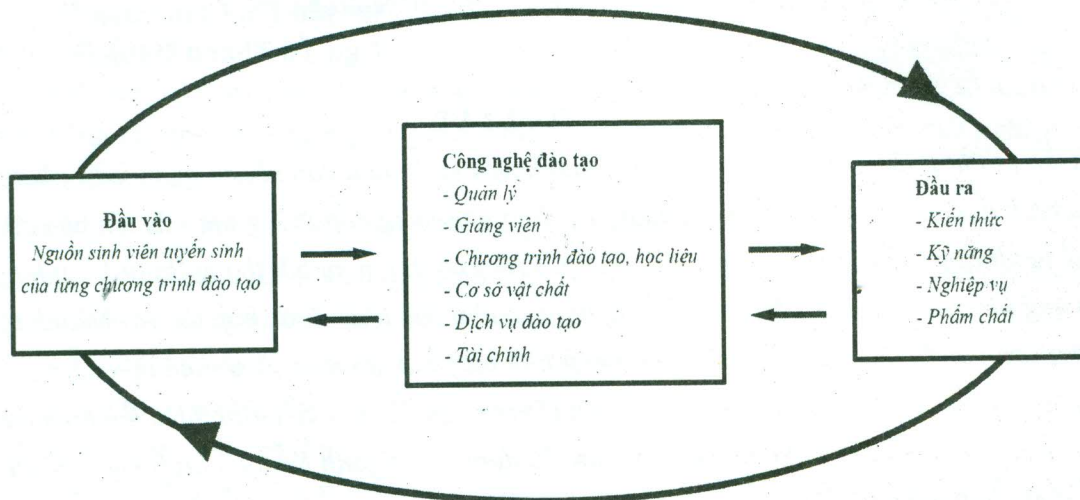
Trước khi đưa mô hình hợp tác đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp nhân rộng cho các bậc đào tạo thuộc các ngành học tại Trường, Bộ môn đã chọn thí điểm lớp Đại học Kế toán E khóa 2007 (bắt đầu từ năm thứ 3) làm lớp nghiên cứu đầu tiên cho chương trình hợp tác và mô hình đào tạo này với sự hỗ trợ kinh phí từ Dự án giáo dục đại học 2 (HEP2) tại Trường Đại học Trà Vinh.

⁽¹⁾ Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Kinh tế, Luật & Ngoại ngữ, Trường ĐHTV

⁽²⁾ Giảng viên Bộ môn Khoa Kinh tế, Luật & Ngoại ngữ, Trường ĐHTV

II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

2.1 Mô hình đào tạo hợp tác giữa Nhà trường và Doanh nghiệp được áp dụng cho ngành Kế toán được khái quát như sau:



Mô hình đào tạo gồm ba khâu chủ yếu: (1) Đầu ra; (2) Công nghệ đào tạo và (3) Đầu vào, các khâu có quan hệ mật thiết với nhau, trong đó khâu đầu ra là điều kiện quyết định các khâu còn lại.

Nhà trường sẽ căn cứ vào đầu ra để xác định công nghệ đào tạo và đầu vào cho phù hợp. Trong đó, công nghệ đào tạo gồm ít nhất 6 thành tố: Chương trình và học liệu; đội ngũ giảng viên (bao gồm cơ hữu và các giảng viên đến từ các Trường đại học và các Doanh nghiệp); cơ sở vật chất (tại Trường và tại Doanh nghiệp); dịch vụ đào tạo; tài chính và quản lý. Các thành tố này phải hướng vào đầu ra và tương thích với nhau. Trong mỗi thành tố đều có sự tham gia của Nhà trường và Doanh nghiệp. Bên cạnh sự tham gia của Doanh nghiệp trong việc xác định nhu cầu, Nhà trường cũng quan tâm đến xu hướng phát triển chung của xã hội, nhằm đảm bảo tính tiên tiến, hiện đại của chương trình. Mục tiêu là xây dựng chương trình sao cho đào tạo ra những con người có khả năng học tập suốt đời và đặc biệt là đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Công nghệ đào tạo có thể thực hiện tốt hay không phụ thuộc vào nguồn tài chính. Nguồn tài chính phần lớn của Nhà trường phụ thuộc vào ngân sách Nhà nước và một phần vốn tự có từ học phí. Về cơ bản cả hai nguồn vốn này mới chỉ cho Nhà trường duy trì các hoạt động thường xuyên thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Trong khi khoa học kỹ thuật ngày một hiện đại, công nghệ mới ra đời thay thế công nghệ cũ đang diễn ra từng giờ. Do đó việc xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị chất lượng, tiên tiến... phục vụ cho giảng dạy còn là một vấn đề nan giải. Vì thế cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ lao động của DN có thể xem là một tiềm năng, giúp cho sinh viên có cơ hội làm quen, tiếp cận với môi trường, trang thiết bị, công nghệ sản xuất của DN. Đồng thời, qua đó DN có thể lựa chọn, hướng nghiệp cho các sinh viên, học viên có năng lực phục vụ cho DN sau khi tốt nghiệp.

Đặc biệt, trong mô hình đào tạo hợp tác này, sinh viên trải qua 4 lần thực tập: 1 lần thực tập giữa kỳ, 2 lần thực tập môn học, 1 lần thực tập cuối khóa (thực tập tốt nghiệp) và một vài môn học trong chương trình có sự hướng dẫn tận tình của các giảng viên đến từ DN.

Cốt lõi của mô hình đào tạo hợp tác là sinh viên được tham gia học tập và làm việc tại DN qua mỗi đợt thực tập:

Thực tập giữa kỳ: Sinh viên làm quen với môi trường làm việc tại DN và làm báo cáo cho giảng viên hướng dẫn sinh viên thực tập.

Thực tập môn học: Sinh viên đến DN và được hỗ trợ thêm những kiến thức chuyên sâu cho môn học, vận dụng linh hoạt giữa lý thuyết và thực tế của các môn học vừa mới học được áp dụng tại DN.

Thực tập tốt nghiệp: Đúc kết những kiến thức học được tại Trường và DN sau 4 năm học tập, kiểm nghiệm lại tất cả những kiến thức đã học, làm luận văn tốt nghiệp và báo cáo trước hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp. Trong mỗi lần thực tập, sinh viên đều được DN đánh giá quá trình thực tập và gửi về cho cán bộ quản lý chương trình sau khi kết thúc chuyên thực tập.

2.2 Kết quả đạt được

Trải qua 2 năm thực hiện tính từ thời gian bắt đầu chọn lớp và thực hiện mô hình hợp tác đào tạo đến nay, Bộ môn Kinh tế đã ký được trên 20 hợp đồng ghi nhớ với các DN trong và ngoài tỉnh, đồng thời đã tổ chức được một cuộc hội thảo với các DN và liên hệ một số giảng viên đến từ các DN, Ngân hàng tham gia giảng dạy nhằm đưa những kinh nghiệm từ thực tiễn vào giảng đường. Bộ môn cũng đã tổ chức cho các sinh viên 04 lần thực tập ở 05 môn học tại trên 30 Doanh nghiệp, đây là điều kiện thuận lợi trong thời gian đầu thực hiện mô hình trước khi được nhân rộng cho các đơn vị trong Trường.

Qua thời gian triển khai chương trình, nhận thức của sinh viên về những kiến thức chuyên môn, những kỹ năng đạt được trong quá trình học tập được tăng lên rõ rệt như là: Sự tự tin, mạnh dạn trong quá trình học tập và kỹ năng thực hiện công việc. Điều đáng ghi nhận là sự tham gia hợp tác đào tạo của các DN tại Trà Vinh và một số tỉnh lân cận đã làm cho chương trình trở nên phong phú, đa dạng và hấp dẫn hơn so với học tập tại Trường.

2.3 Những tồn tại và nguyên nhân

Mặc dù kết quả đào tạo đạt được là rất cao, tuy nhiên mô hình này khi được triển khai vẫn còn gặp một số khó khăn như sau:

- Kế toán là ngành có đặc thù riêng nên việc hướng dẫn sinh viên thực hành tại các DN vẫn còn gặp khó khăn: Các loại sổ sách, những khoản thu nhập, chi tiêu, chứng từ tại DN là những thông tin khá quan trọng trong quá trình kinh doanh của họ, do đó một số DN e ngại chỉ dẫn sinh viên những vấn đề trọng tâm trong chuyên môn.

- Chưa thực sự khai thác hết những nội dung trong bản thỏa thuận hợp tác giữa Nhà trường và DN: Do đội ngũ giảng viên còn ít, khối lượng công việc nhiều nên thời gian qua chỉ thu hút được một số DN tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên thực hành tại DN nhưng chưa khai thác được nhu cầu và đáp ứng được nhu cầu của DN theo như một số nội dung đã thỏa thuận trong bản ký kết hợp tác.

- Sự khác biệt giữa kỳ vọng và thực tế khi sinh viên đến thực tập tại DN: Sinh viên có tâm lý lo lắng khi đến thực tập tại DN dẫn đến các bạn có một áp lực khá lớn, bên cạnh đó các bạn có kỳ vọng là đến Doanh nghiệp phải được thực hành ngay, được hướng dẫn, chỉ dẫn ngay, nhưng thực tế một số sinh viên khi đến thực tập thì chưa nhận được sự chỉ dẫn nhiệt tình, chủ yếu là tự tìm tòi nên không ít sinh viên cảm thấy thất vọng khi tham gia mô hình mới này.

- Các kỹ năng mềm của sinh viên còn kém: Những kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng khai thác thông tin, kỹ năng làm việc của sinh viên còn kém cũng là nguyên nhân dẫn đến

các DN e ngại hướng dẫn, hay cung cấp số liệu. Do đó, việc khai thác thông tin, thu thập thông tin hay học tập từ DN chưa đạt hiệu quả. Những kinh nghiệm, những bài học quý giá từ Doanh nghiệp sinh viên vẫn còn bỏ ngõ và không khai thác.

III. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HÒA NHIỆM CÔNG TÁC ĐÀO TẠO HỢP TÁC GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ DOANH NGHIỆP

3.1 Xác định rõ lợi ích của các bên khi tham gia hợp tác đào tạo

Trong cơ chế hợp tác, yếu tố quyết định thành công là các bên cùng có lợi. Nếu mỗi bên theo đuổi mục tiêu và lợi ích của riêng mình mà không tính đến lợi ích của bên kia thì rất khó hợp tác được với nhau. Trong trường hợp này, Nhà trường là tổ chức phi lợi nhuận, còn các DN là tổ chức lợi nhuận, họ rất quan tâm đến chi phí và lợi ích, chính vì thế họ không thể bỏ thời gian, tiền bạc để hợp tác với Nhà trường nếu việc hợp tác không đem lại lợi ích thiết thực gì cho họ).

Về phía Nhà trường cần xác định rõ lợi ích mang lại lớn nhất cho DN là có nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển của DN. Thay vì các Doanh nghiệp phải đi tìm kiếm lao động, thì Nhà trường là nơi cung cấp lao động quý giá cho DN, giá trị sản phẩm được tăng lên nếu được sự tham gia tích cực từ DN. DN giúp Nhà trường xác định rõ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp, số lượng và quy mô đào tạo. Những điều này đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc thiết kế nội dung chương trình đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên, góp phần nâng cao uy tín và chất lượng trong công tác Giáo dục và Đào tạo.

3.2 Tăng cường sự tham gia cộng tác của các cựu sinh viên đang làm việc cho các DN

Nhà trường nên tăng cường hoạt động này thông qua tọa đàm trao đổi kinh nghiệm, các buổi giao lưu với các sinh viên đang học hay seminar với chủ đề cụ thể phù hợp. Cũng là một hoạt động hữu ích giúp sinh viên tiếp cận thực tế tại DN và từ đó nắm bắt được những nhu cầu thực tế của DN và Nhà trường, có thể đáp ứng nhu cầu của DN thông qua những cựu sinh viên.

3.3 Nâng cao hơn nữa sự tham gia của các DN trong công tác giảng dạy tại Trường và tại DN

Nhà trường nên tạo điều kiện thuận lợi để DN đến giảng dạy một số môn học hoặc chuyên đề phù hợp với năng lực và thế mạnh của họ hoặc có thể tham gia vào hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp. Ngoài ra, sinh viên đến học tập, thực tập tại DN là một điểm nhấn quan trọng nhất trong chương trình có sự tham gia của DN.

3.4 Tăng cường tổ chức các buổi giao lưu giữa những doanh nhân thành đạt và sinh viên.

Những doanh nhân thành đạt thực sự là những mẫu người mà sinh viên mơ ước và phấn đấu noi theo, qua buổi giao lưu đó các doanh nhân có thể truyền "lửa" cho sinh viên, giúp sinh viên định hướng và phấn đấu cao hơn trong việc học tập. Nhà trường nên có kế hoạch cụ thể vào thời gian nào trong năm học để các sinh viên của Trường sẽ được giao lưu với các DN.

3.5 Nhà trường hỗ trợ sinh viên ngay từ những năm đầu tiên khi tham gia học tập tại Trường kỹ năng thích nghi, tự chủ, linh hoạt và kỹ năng giao tiếp tại các DN, những trở ngại khi thực tập tại doanh nghiệp

Đây là một trong những yêu cầu cấp thiết cần được Nhà trường quan tâm để trang bị cho sinh viên những kỹ năng thích nghi, tự chủ, linh hoạt và kỹ năng giao tiếp, giúp sinh viên có được sự tự tin khi tham gia học tập tại DN.

3.6 Một số hoạt động khác từ DN và Nhà trường

DN có thể cam kết ký hợp đồng tuyển dụng với một số sinh viên hiện đang học; tài trợ kinh phí (học bổng) cho sinh viên học xuất sắc; phối hợp với Nhà trường tổ chức các cuộc thi theo những chủ đề nhất định, nhằm phát hiện năng lực của sinh viên vì mục đích phát triển DN, v.v...

Nhà trường có thể thành lập đội sinh viên tình nguyện đến tham gia hỗ trợ DN: những ngày nghỉ, ngày lễ, những chuyến mùa hè tình nguyện sinh viên có thể hỗ trợ các hoạt động tại DN. Từ đó cũng tăng cường được cái nhìn thiện cảm từ DN và góp phần tăng cường hợp tác giữa Nhà trường và DN.

Nhà trường và DN nên phối hợp chặt chẽ với nhau để có thể dự báo được chính xác những nhu cầu của các bên, góp phần tìm kiếm cơ hội lẫn nhau nhằm thỏa mãn tốt nhu cầu của đôi bên.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Mặc dù Kế toán là ngành rất khó để các DN có thể hỗ trợ nhiệt tình so với các ngành khác nhưng kết quả đạt được của mô hình hợp tác đào tạo này là rất khả thi và có thể nhân rộng cho các chương trình đào tạo khác tại Trường Đại học Trà Vinh.

4.2 Kiến nghị

Để các chương trình hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và DN ngày càng thành công và được nhân rộng trong và ngoài Trường, về phía Nhà trường và DN cần chủ động nâng cao hơn nữa sự hợp tác đào tạo, cần xem việc tạo điều kiện cho sinh viên đến thực tập, học tập thực tế tại DN là một việc làm đáng được trân trọng. Bên cạnh đó, cần có sự tham gia của Nhà nước, đơn vị đóng vai trò là cơ quan ban hành chính sách, cùng với một số hỗ trợ về tài chính... làm nền tảng giúp các trường đại học có thêm động lực để Hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo.

Đào tạo gắn với nhu cầu của DN là một xu thế tất yếu trong nền kinh tế thị trường. Quá trình đào tạo chỉ có thể thành công khi lãnh đạo của Nhà trường và DN thật sự thống nhất và quyết tâm thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tiếng Việt

1. Trịnh Thị Hoa Mai (2008), *Liên kết đào tạo giữa Nhà trường đại học với Doanh nghiệp ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật số 24
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2006 - 2010*, <http://www.business.gov.vn>
3. Phùng Xuân Nhạ (2009), *Mô hình đào tạo gắn với nhu cầu của Doanh nghiệp Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế và Kinh doanh số 25
4. Quang Đông (2007), *Đột phá bằng đào tạo nhân lực theo nhu cầu xã hội*, Báo tiền Phong Việt Nam
5. (http://www.tin247.com/dot_pha_bang_dao_tao_nhan_luc_theo_nhu_cau_xa_hoi-11-118162.html)

* Tiếng nước ngoài

6. <http://www.viu.ca/coop/employers/benefits.asp>
7. <http://web4.uwindsor.ca/windsorcoop>